

Số: 44/21/CBT-DBT

TP. Bến Tre, ngày 26 tháng 08 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**Báo Cáo Tài Chính Công Ty Mẹ Soát Xét 6 Tháng Đầu Năm 2021**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng đại diện tại TP HCM: số 11, đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại: 028 3622 0205 – số NB 207.
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Cấp Tiến.
7. Loại thông tin công bố: định kỳ
8. Nội dung của thông tin công bố:
  - a. Báo cáo tài chính Công ty mẹ soát xét 6 tháng đầu năm 2021 của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre được lập ngày 26 tháng 08 năm 2021 gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, Thuyết minh BCTC.
  - b. Lợi nhuận sau thuế đã soát xét 6 tháng năm 2021 là 3.522.805.117 đồng, tăng 350.122.173 đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2020, do năm 2021 phát sinh giao dịch chuyển nhượng khoản đầu tư tại công ty con mang lại lợi nhuận, đồng thời thay đổi cơ cấu doanh thu chuyển sang bán những mặt hàng hiệu quả cao làm tăng tỷ lệ lãi gộp so với cùng kỳ, dù tình hình kinh doanh vẫn gặp khó khăn do tác động của dịch Covid.
  - c. Lợi nhuận sau thuế đã soát xét 6 tháng năm 2021 giảm 1.134.960.759 đồng, giảm 24% so với lợi nhuận lũy kế 6 tháng trên BCTC Công ty mẹ Quý 2/2021, nguyên nhân là do kiểm toán ghi nhận thêm chi phí dự phòng hàng tồn kho.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK HDQT.



**PHẠM THỨ TRIỆU**

## **Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 44

1  
1  
8  
T  
1  
=

1  
1  
8  
T  
1  
=

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004 và các Giấy CNDKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN do HOSE ban hành vào ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là buôn bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Viwaseen, Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghé, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cảnh Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ; và
- Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	
Bà Đậu Thị Thúy Mai	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2021
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2021

### ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy Ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trần Gia Bảo	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Bà Đậu Thị Thúy Mai	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Đăng Nhật	Thành viên	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Bà Đỗ Trần Văn Hạnh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Thử Triệu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Khắc Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch
Ông Phạm Thử Triệu	Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 để ngày 26 tháng 08 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Ngày 26 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61607262/22705198

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>561.003.194.285</b>	<b>616.917.005.118</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>26.203.391.944</b>	<b>13.138.521.190</b>
111	1. Tiền		6.203.391.944	10.138.521.190
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	3.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	21.000.000.000	21.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>143.985.163.669</b>	<b>186.633.937.084</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	129.228.632.557	176.144.791.718
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	3.275.806.818	1.094.599.791
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	12.691.807.060	10.753.755.269
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(1.211.082.766)	(1.359.209.694)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>354.155.382.061</b>	<b>382.845.895.329</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	365.584.104.301	387.819.341.891
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9	(11.428.722.240)	(4.973.446.562)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>15.659.256.611</b>	<b>13.298.651.515</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.270.849.928	527.753.282
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	12.388.406.683	12.770.898.233

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>153.687.600.369</b>	<b>203.310.955.665</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>4.571.772.982</b>	<b>4.870.414.087</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	4.571.772.982	4.870.414.087
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>21.933.843.599</b>	<b>22.097.433.456</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	17.852.914.933	17.953.490.148
222	Nguyên giá		49.905.892.812	49.314.849.686
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.052.977.879)	(31.361.359.538)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.080.928.666	4.143.943.308
228	Nguyên giá		6.221.693.777	6.131.878.777
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.140.765.111)	(1.987.935.469)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
231	1. Nguyên giá		52.826.363	52.826.363
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(52.826.363)	(52.826.363)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>295.910.000</b>	<b>292.950.900</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		295.910.000	292.950.900
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>106.529.349.580</b>	<b>156.653.927.580</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	58.421.124.580	108.545.702.580
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	48.108.225.000	48.108.225.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>20.356.724.208</b>	<b>19.396.229.642</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	16.519.381.658	16.813.852.971
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	3.837.342.550	2.582.376.671
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>714.690.794.654</b>	<b>820.227.960.783</b>

8/11  
 01  
 NH  
 T  
 TP  
 P

M.S.D.N: 13

13

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>530.094.855.451</b>	<b>627.764.574.087</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>522.883.168.451</b>	<b>608.102.314.231</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	158.382.997.815	205.875.317.550
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.295.661.922	209.385.483
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.783.484.266	7.306.689.131
314	4. Phải trả người lao động		6.737.339.069	5.378.869.749
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.296.830.736	4.686.169.403
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		203.636.364	180.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		855.820.635	1.575.928.636
320	8. Vay ngắn hạn	17	349.446.935.048	382.309.263.093
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		880.462.596	580.691.186
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>7.211.687.000</b>	<b>19.662.259.856</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14	-	9.349.752.856
337	2. Phải trả dài hạn khác		149.500.000	130.500.000
338	3. Vay dài hạn	17	7.062.187.000	10.182.007.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>184.595.939.203</b>	<b>192.463.386.696</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18.1</b>	<b>184.545.939.203</b>	<b>192.413.386.696</b>
411	1. Vốn cổ phần		142.051.160.000	135.288.140.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		142.051.160.000	135.288.140.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		433.056.160	433.056.160
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.876.126.506	8.876.126.506
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.536.822.093	2.536.822.093
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.648.774.444	45.279.241.937
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		27.977.969.327	33.385.813.723
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		2.670.805.117	11.893.428.214
430	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
431	1. Nguồn kinh phí		50.000.000	50.000.000
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>714.690.794.654</b>	<b>820.227.960.783</b>

Đỗ Trần Văn Hạnh  
Người lập

Nguyễn Khắc Hành  
Kế toán trưởng




Phạm Thu Triệu  
Tổng Giám đốc


Ngày 26 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	296.669.872.579	368.454.484.920
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(10.445.561.797)	(1.638.744.261)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	286.224.310.782	366.815.740.659
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(211.976.272.215)	(282.697.490.154)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		74.248.038.567	84.118.250.505
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	21.594.293.994	2.909.420.411
22	7. Chi phí tài chính	21	(11.213.444.158)	(10.872.880.564)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(10.892.554.878)	(10.505.232.159)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(66.109.399.264)	(55.599.164.637)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(13.929.835.586)	(17.450.921.415)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.589.653.553	3.104.704.300
31	11. Thu nhập khác	23	123.237.367	935.833.245
32	12. Chi phí khác	23	(9.571.775)	(6.422.930)
40	13. Lợi nhuận khác	23	113.665.592	929.410.315
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.703.319.145	4.034.114.615
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(2.435.479.907)	(1.202.854.598)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.3	1.254.965.879	341.422.927
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.522.805.117	3.172.682.944

  
Đỗ Trần Văn Hạnh  
Người lập

  
Nguyễn Khắc Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Phạm Thu Triệu  
Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>4.703.319.145</b>	<b>4.034.114.615</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	11, 12	1.401.576.038	1.784.367.412
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập các khoản dự phòng)		6.307.148.750	(314.301.739)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	19.2, 21	(1.473.280.091)	139.682.542
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(17.862.724.734)	(88.657.255)
06	Chi phí lãi vay	21	10.892.554.878	10.505.232.159
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>3.968.593.986</b>	<b>16.060.437.734</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		44.540.878.064	(3.265.844.125)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		22.235.237.590	(16.129.461.964)
11	Giảm các khoản phải trả		(58.192.160.186)	(32.123.720.766)
12	Tăng chi phí trả trước		(2.448.625.333)	(326.817.277)
14	Tiền lãi vay đã trả		(11.075.038.627)	(10.133.262.766)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.444.064.926)	(368.007.070)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(294.900.000)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(6.710.079.432)</b>	<b>(46.286.676.234)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.240.945.281)	(206.703.638)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		18.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(3.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	549.618.996
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.048.930.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		68.894.944.757	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		60.442.911	82.310.226
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>65.683.512.387</b>	<b>(2.574.774.416)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	17	296.668.781.060	366.910.849.458
34	Tiền trả nợ gốc vay	17	(332.650.929.105)	(318.749.768.265)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	18.3	(9.917.555.900)	(45.099.100)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(45.899.703.945)	48.115.982.093
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		13.073.729.010	(745.468.557)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	4	13.138.521.190	12.060.733.685
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.858.256)	(3.170.742)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	26.203.391.944	11.312.094.386



Đỗ Trần Văn Hạnh  
Người lập



Nguyễn Khắc Hanh  
Kế toán trưởng



Phạm Thử Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN do HOSE ban hành ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là buôn bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Viwaseen, Đường Tố Hữu, Phường Trung Vãn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cánh Màng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ; và
- Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 403 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 422).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 để ngày 26 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp tục)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

30/06/2021  
 CH  
 NS  
 VII  
 -7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)

#### 3.2 Hàng tồn kho (tiếp tục)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng mua - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  
đang đi đường và hàng hóa

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Trong đó, hàng hóa có thời hạn sử dụng dưới 6 tháng có phần giá trị dự kiến bị tổn thất bằng giá trị gốc.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

##### *Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

11  
 NG  
 HIỆM  
 &  
 TN  
 HC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)**

**3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)**

*Trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	35 - 50 năm
Phần mềm máy tính	2 - 5 năm
Khác	4 - 5 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
--------------------------	--------

22. TY 001 DU M CHI



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)

#### 3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Quyền phân phối sản phẩm; và

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo thông báo số 1893/TB-CCT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 9 tháng 10 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 4 tháng và thông báo số 1732/TB-CT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 6 tháng. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

#### 3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty bằng VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)**

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

M.S.D. QUẢN

KẾ TOÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

03/06/2021  
C  
RACI  
RN  
V  
7-1

M.S.D.N.

...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền gửi ngân hàng	5.795.548.279	9.003.088.949
Tiền mặt	407.843.665	1.135.432.241
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	3.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.203.391.944</b>	<b>13.138.521.190</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại có thời hạn gốc một (1) tháng và hưởng lãi suất theo mức lãi suất lần lượt là 3,2%/năm và 3%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (*)	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>

(\*) Đây là 1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm và 30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1,1%/năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam. Toàn bộ khoản trái phiếu này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 17.1).

(\*\*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 4,6%/năm. Khoản tiền gửi này được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 17.1).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Các bên khác	128.995.488.158	175.557.460.451
Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tiến	8.565.999.664	9.816.042.839
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	837.937.022	13.935.618.040
Khác	119.591.551.472	151.805.799.572
Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	233.144.399	587.331.267
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>129.228.632.557</b>	<b>176.144.791.718</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.211.082.766)	(1.359.209.694)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>128.017.549.791</b>	<b>174.785.582.024</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại (*Thuyết minh số 17.1*).

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	1.359.209.694	131.983.795
Dự phòng trích lập trong kỳ	865.604.199	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.013.731.127)	-
Xóa sổ	-	(131.983.795)
Số cuối kỳ	<u>1.211.082.766</u>	<u>-</u>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Các bên khác	1.479.262.311	1.094.599.791
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	550.200.000	550.200.000
Công ty Cổ phần Thiết bị - Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Du lịch Trung Sơn T.S.S.E	350.000.000	-
Công ty TNHH Viễn thông Gia Nguyễn	318.450.000	-
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	-	276.228.810
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietinbank Aviva	-	200.000.000
Khác	260.612.311	68.170.981
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	1.796.544.507	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>3.275.806.818</b></u>	<u><b>1.094.599.791</b></u>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.691.807.060</b>	<b>10.753.755.269</b>
Tạm ứng cho nhân viên	7.974.398.883	2.449.660.774
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	2.269.478.307	3.940.568.270
Các khoản chi hộ	1.385.084.804	1.264.292.144
Lãi tiền gửi và trái phiếu	1.062.845.066	-
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	-	2.958.865.000
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	-	140.369.081
<b>Dài hạn</b>	<b>4.571.772.982</b>	<b>4.870.414.087</b>
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.201.772.982	3.404.014.087
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.140.000.000	1.140.000.000
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	230.000.000	230.000.000
Khác	-	96.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>17.263.580.042</b></u>	<u><b>15.624.169.356</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa (*)	354.432.234.386	(11.428.722.240)	370.336.098.612	(4.973.446.562)
Hàng đang đi trên đường	5.227.421.555	-	13.903.136.097	-
Thành phẩm	3.876.327.305	-	1.760.279.153	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.907.456.841	-	1.814.892.384	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	140.664.214	-	-	-
Hàng hóa ký gửi	-	-	4.935.645	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>365.584.104.301</b>	<b>(11.428.722.240)</b>	<b>387.819.341.891</b>	<b>(4.973.446.562)</b>

(\*) Hàng tồn kho (dược phẩm các loại) được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 17.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	4.973.446.562	788.935.440
Dự phòng trích lập trong kỳ	10.116.328.330	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.661.052.652)	-
Xuất hủy trong kỳ	-	(182.317.944)
Số cuối kỳ	<u>11.428.722.240</u>	<u>606.617.496</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.270.849.928</b>	<b>527.753.282</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	777.319.769	366.013.425
Chi phí thuê mặt bằng	261.650.400	21.000.000
Chi phí mua bảo hiểm	239.702.281	27.765.342
Chi phí sửa chữa và bảo trì	84.046.667	67.555.515
Khác	1.908.130.811	45.419.000
<b>Dài hạn</b>	<b>16.519.381.658</b>	<b>16.813.852.971</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	10.113.669.930	10.318.501.312
Chi phí hợp tác kinh doanh	4.496.763.682	4.836.597.202
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.014.235.603	956.952.150
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho bãi và văn phòng	526.851.291	118.468.974
Khác	367.861.152	583.333.333
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.790.231.586</b>	<b>17.341.606.253</b>

(\*) Các quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 17.1).

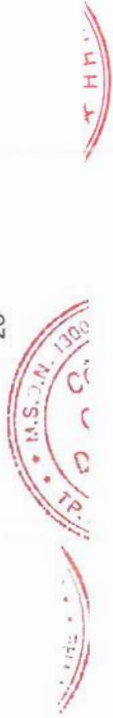
**Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	19.428.924.936	9.367.887.453	12.992.938.196	7.525.099.101	49.314.849.686
Mua trong kỳ	-	52.545.454	1.017.582.727	78.043.000	1.148.171.181
Thanh lý trong kỳ	-	-	(557.128.055)	-	(557.128.055)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	19.428.924.936	9.420.432.907	13.453.392.868	7.603.142.101	49.905.892.812
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	6.306.386.998	3.094.477.045	4.623.703.506	6.490.202.101	20.514.769.650
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(10.749.122.528)	(5.869.961.940)	(7.626.880.766)	(7.115.394.304)	(31.361.359.538)
Khấu hao trong kỳ	(382.395.973)	(364.083.303)	(423.279.188)	(78.987.932)	(1.248.746.396)
Thanh lý trong kỳ	-	-	557.128.055	-	557.128.055
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(11.131.518.501)	(6.234.045.243)	(7.493.031.899)	(7.194.382.236)	(32.052.977.879)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	8.679.802.408	3.497.925.513	5.366.057.430	409.704.797	17.953.490.148
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	8.297.406.435	3.186.387.664	5.960.360.969	408.759.865	17.852.914.933
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 17.1 và 17.3)	3.308.232.014	126.923.324	2.813.541.014	-	6.248.696.352



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	4.302.988.457	1.828.890.320	6.131.878.777
Mua trong kỳ	-	89.815.000	89.815.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	4.302.988.457	1.918.705.320	6.221.693.777
<b>Trong đó:</b>			
Đã hao mòn hết	-	1.294.752.000	1.294.752.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(438.441.925)	(1.549.493.544)	(1.987.935.469)
Hao mòn trong kỳ	(19.636.865)	(133.192.777)	(152.829.642)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	(458.078.790)	(1.682.686.321)	(2.140.765.111)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.864.546.532	279.396.776	4.143.943.308
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	3.844.909.667	236.018.999	4.080.928.666
<b>Trong đó:</b>			
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 17.1 và 17.3)	3.550.519.817	-	3.550.519.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	58.421.124.580	108.545.702.580
Đầu tư vào công ty liên kế (Thuyết minh số 13.2)	<u>48.108.225.000</u>	<u>48.108.225.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>106.529.349.580</u></b>	<b><u>156.653.927.580</u></b>

03/03/2021  
 RÁC  
 RN  
 V  
 7-

11/11/2020  
 FF

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 13.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
			Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (*)	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	58.421.124.580	85,9	56.372.194.580	82,15
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (**)	Đang hoạt động	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, hóa dược, dược liệu	-	-	52.173.508.000	51,00
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>58.421.124.580</b>		<b>108.545.702.580</b>	

(\*) Trong kỳ, Công ty đã tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 01/16.06/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2021.

3.485.470 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Thuyết minh số 17.1).

(\*\*) Vào ngày 30 tháng 4 năm 2021, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 51,00% quyền sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang ("Biopharco") cho một nhà đầu tư khác theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/27.04/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2021 với tổng giá trị là 68.894.944.757 VND. Theo đó, Công ty không còn quyền sở hữu trong Biopharco sau ngày 30 tháng 4 năm 2021.

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
			Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (*)	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	48.108.225.000	23,14	48.108.225.000	23,14

(\*) 4.226.950 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận (Thuyết minh số 17.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>158.382.997.815</b>	<b>205.875.317.550</b>
Các bên khác	158.382.997.815	184.626.322.664
Công ty TNHH Raptakos Brett	52.520.261.013	73.385.709.734
Gedeon Richter Public Limited Company	45.719.538.007	31.308.635.797
Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tiên	10.990.242.643	10.990.242.643
Chi nhánh Số 15 Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	8.160.076.232	-
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	6.356.648.138	-
Khác	34.636.231.782	68.941.734.490
Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	21.248.994.886
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>9.349.752.856</b>
Bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	9.349.752.856
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>158.382.997.815</b>	<b>215.225.070.406</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.444.064.925	2.435.479.907	(5.444.064.926)	2.435.479.906
Thuế thu nhập cá nhân	1.790.767.695	946.864.385	(2.389.627.720)	348.004.360
Thuế GTGT hàng bán nội địa	71.856.511	98.657.401.919	(98.729.258.430)	-
Thuế khác	-	735.428.408	(735.428.408)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.306.689.131</b>	<b>102.775.174.619</b>	<b>(107.298.379.484)</b>	<b>2.783.484.266</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.770.898.233	98.014.149.895	(98.396.641.445)	12.388.406.683

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí chương trình quà tặng khuyến mãi	1.566.955.918	3.639.270.774
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	310.000.000	110.000.000
Lãi vay	306.520.755	489.004.504
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	113.354.063	333.330.406
Khác	-	114.563.719
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.296.830.736</b>	<b>4.686.169.403</b>



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. VAY**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Vay trong kỳ	Phân loại	Trả trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>382.309.263.093</b>	<b>294.468.781.060</b>	<b>1.319.820.000</b>	<b>(328.650.929.105)</b>	<b>349.446.935.048</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	379.482.186.456	294.468.781.060	-	(327.231.109.105)	346.719.858.411
Vay các bên khác (Thuyết minh số 17.2)	187.436.637	-	-	(100.000.000)	87.436.637
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 17.3)	2.639.640.000	-	1.319.820.000	(1.319.820.000)	2.639.640.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>10.182.007.000</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>(1.319.820.000)</b>	<b>(4.000.000.000)</b>	<b>7.062.187.000</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.3)	6.182.007.000	-	(1.319.820.000)	-	4.862.187.000
Vay bên khác (Thuyết minh số 17.4)	4.000.000.000	2.200.000.000	-	(4.000.000.000)	2.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>392.491.270.093</b>	<b>296.668.781.060</b>	<b>-</b>	<b>(332.650.929.105)</b>	<b>356.509.122.048</b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. VAY (tiếp theo)

#### 17.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	--------------------------	-----------------------	------------------	-------------------

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay 1	266.553.251.183	Từ ngày 24 tháng 8 năm 2021 đến ngày 2 tháng 3 năm 2022	Từ 5,6 đến 5,8	1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành; 3.485.470 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dược Yên Bái phát hành; Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng; Hàng tồn kho được phẩm các loại; Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, các quyền sử dụng đất thuê tại thửa đất số 13, số 77, số 80, số 81 tỉnh Bến Tre và các phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược Bến Tre và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo
-------------	-----------------	---	----------------	---

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận

Khoản vay 1	49.774.294.592	Từ ngày 3 tháng 9 năm 2021 đến ngày 19 tháng 1 năm 2022	Từ 5,5 đến 5,6	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 06/HDTG-KHDN/2020 trị giá 3.000.000.000 VND; 4.226.950 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha phát hành; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất 295, tờ bản đồ số 64, Khu vực 2, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Giấy phép quyền sử dụng đất số BA 166880; Hàng tồn kho được phẩm các loại.
-------------	----------------	---	----------------	--

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. VAY (tiếp theo)

#### 17.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh</b>				
Khoản vay 1	19.806.283.512	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 đến ngày 27 tháng 1 năm 2022	Từ 5,6 đến 5,8	Tin chấp
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình</b>				
Khoản vay 1	10.586.029.124	Từ ngày 2 tháng 8 năm 2021 đến ngày 11 tháng 9 năm 2021	Từ 5,7 đến 6,2	Quyền thu nợ đối với khoản phải thu khách hàng.

**TỔNG CỘNG** **346.719.858.411**

#### 17.2 Vay ngắn hạn các bên khác

Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác là các khoản vay tin chấp từ Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre; từ nhân viên của Công ty và từ các cá nhân khác để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có thời hạn dưới 6 tháng, với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ.

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. VAY (tiếp theo)

#### 17.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre</b>					
Khoản vay 1	6.598.827.000	Ngày 12 tháng 11 năm 2024	Thanh toán tiền thuê đất	10,1	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Giấy phép quyền sử dụng đất số BG 992958
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre</b>					
Khoản vay 1	686.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	8,9	Tài sản hình thành từ vốn vay
Khoản vay 2	217.000.000	Ngày 18 tháng 11 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	10,5	Tài sản hình thành từ vốn vay

**TỔNG CỘNG** 7.501.827.000

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	2.639.640.000
Vay dài hạn	4.862.187.000

#### 17.4 Vay dài hạn bên khác

Khoản vay dài hạn là khoản vay từ cá nhân bà Nguyễn Thiên Nga để tài trợ vốn lưu động trong kỳ. Các khoản vay này có thời hạn 2 năm, đáo hạn tới 15 tháng 6 năm 2023 với lãi suất 8%/năm và không có tài sản bảo đảm.

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	135.288.140.000	433.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	35.348.258.317	182.482.403.076
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.172.682.944	3.172.682.944
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(604.222.372)	(604.222.372)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	(554.222.222)	(554.222.222)
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	<b>135.288.140.000</b>	<b>433.056.160</b>	<b>8.876.126.506</b>	<b>2.536.822.093</b>	<b>37.362.496.667</b>	<b>184.496.641.426</b>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	135.288.140.000	433.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	45.279.241.937	192.413.386.696
Tăng vốn (*)	6.763.020.000	-	-	-	(6.763.020.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.522.805.117	3.522.805.117
Cổ tức được chia	-	-	-	-	(9.943.581.200)	(9.943.581.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(594.671.410)	(594.671.410)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	(852.000.000)	(852.000.000)
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>142.051.160.000</b>	<b>433.056.160</b>	<b>8.876.126.506</b>	<b>2.536.822.093</b>	<b>30.648.774.444</b>	<b>184.545.939.203</b>

(\*) Vào ngày 1 tháng 2 năm 2021, Công ty đã phát hành 676.302 cổ phiếu mới với mức giá phát hành 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20:1 theo Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị số 01/2019/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2020 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 vào ngày 3 tháng 2 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ	135.288.140.000	135.288.140.000
Vốn tăng trong kỳ	6.763.020.000	-
Số cuối kỳ	<u>142.051.160.000</u>	<u>135.288.140.000</u>

**18.3 Cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ</b>		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng tiền	<u>9.917.555.900</u>	<u>45.099.100</u>

**18.4 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	14.205.116	13.528.814
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	14.205.116	13.528.814
Cổ phiếu phổ thông	14.205.116	13.528.814
Cổ phiếu đang lưu hành	14.205.116	13.528.814
Cổ phiếu phổ thông	14.205.116	13.528.814

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>296.669.872.579</b>	<b>368.454.484.920</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	293.258.420.609	365.061.288.977
Doanh thu bán thành phẩm	2.787.705.548	2.758.832.307
Doanh thu cho thuê mặt bằng	623.746.422	634.363.636
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(10.445.561.797)</b>	<b>(1.638.744.261)</b>
Chiết khấu thương mại	(7.011.451.797)	(1.146.890.135)
Hàng bán bị trả lại	(3.416.730.357)	(478.454.126)
Giảm giá hàng bán	(17.379.643)	(13.400.000)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>286.224.310.782</b>	<b>366.815.740.659</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần từ bán hàng	285.600.564.360	366.181.377.023
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	623.746.422	634.363.636
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	285.628.005.314	313.499.477.437
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	596.305.468	53.316.263.222

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Lãi từ việc thoái vốn trong công ty con	16.721.436.757	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.135.479.371	2.486.633.705
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.473.280.091	-
Lãi tiền gửi	1.123.287.977	88.657.255
Chiết khấu thanh toán	140.809.798	334.129.451
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.594.293.994</b>	<b>2.909.420.411</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Giá vốn hàng hóa	208.876.352.402	280.380.066.989
Giá vốn thành phẩm	3.002.762.668	2.276.037.170
Giá vốn cho thuê hoạt động	97.157.145	41.385.995
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>211.976.272.215</u></b>	<b><u>282.697.490.154</u></b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Chi phí lãi vay	10.892.554.878	10.505.232.159
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	320.889.280	227.965.863
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	139.682.542
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.213.444.158</u></b>	<b><u>10.872.880.564</u></b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>66.109.399.264</b>	<b>55.599.164.637</b>
Chi phí nhân viên	40.203.471.844	42.165.323.931
Chi phí khuyến mãi	17.028.662.301	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.672.154.232	9.860.194.653
Chi phí khấu hao và hao mòn	831.338.187	864.884.465
Khác	2.373.772.700	2.708.761.588
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>13.929.835.586</b>	<b>17.450.921.415</b>
Chi phí nhân viên	8.182.476.603	9.524.633.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.096.874.200	6.405.353.407
Chi phí vật liệu quản lý	539.596.146	524.345.569
Chi phí khấu hao và hao mòn	367.816.186	528.064.457
Khác	743.072.451	468.524.756
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>80.039.234.850</u></b>	<b><u>73.050.086.052</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. THU NHẬP KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Quà tặng từ nhà cung cấp	26.177.251	409.693.822
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	18.000.000	-
Xóa sổ khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp phải nộp	-	119.506.281
Khác	79.060.116	406.633.142
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>123.237.367</u></b>	<b><u>935.833.245</u></b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí hàng hóa	208.876.352.402	280.380.066.989
Chi phí nhân viên	51.378.054.142	53.259.163.687
Chi phí khuyến mãi	17.028.662.301	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.513.218.420	15.472.653.064
Chi phí nguyên vật liệu	2.256.809.626	1.888.170.186
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.401.576.038	1.784.367.412
Chi phí khác	1.772.615.943	5.022.858.278
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>295.227.288.872</u></b>	<b><u>357.807.279.616</u></b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.435.479.907	2.540.873.353
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa từ những kỳ trước	-	(1.338.018.755)
	<b>2.435.479.907</b>	<b>1.202.854.598</b>
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.254.965.879)	(341.422.927)
<b>TÓNG CỘNG</b>	<b>1.180.514.028</b>	<b>861.431.671</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.703.319.145</b>	<b>4.034.114.615</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	940.663.829	806.822.923
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	239.850.199	1.392.627.503
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa từ những kỳ trước	-	(1.338.018.755)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>1.180.514.028</b>	<b>861.431.671</b>

**25.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ hiện hành và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động	
	riêng giữa niên độ		kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
				VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Chi phí lãi vay	3.568.067.198	2.559.843.608	1.008.223.590	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	709.261.936	-	709.261.936	-
Chi phí trích trước	459.366.147	937.233.881	(477.867.734)	500.011.903
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>				
Chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng	(899.352.731)	(914.700.818)	15.348.087	(158.588.976)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b>3.837.342.550</b>	<b>2.582.376.671</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ</b>			<b>1.254.965.879</b>	<b>341.422.927</b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
				VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Mua hàng hóa Bán hàng hóa	6.925.604.777 377.311.008	22.445.961.803 52.791.144.682
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Công ty con đến ngày 30 tháng 4 năm 2021	Mua hàng hóa	5.493.550.773	10.454.196.533
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Thu nhập từ cổ tức Bán hàng hóa	2.958.865.000 218.994.460	- 525.118.540
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Bên liên quan	Chi phí thuế vận phòng	849.752.160	533.790.705

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)		VND
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	627.780.000	240.000.000	
Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	105.000.000	210.000.000	
Bà Đậu Thị Thúy Mai	Phó Chủ tịch	90.000.000	-	
Ông Phạm Thử Triệu	Tổng Giám đốc	567.780.000	539.932.500	
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	344.790.000	267.021.200	
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	307.117.416	274.547.664	
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	183.156.000	232.658.200	
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	147.690.000	228.038.750	
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Phó Tổng Giám đốc	135.000.000	135.000.000	
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	135.000.000	90.000.000	
Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	15.000.000	30.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.658.313.416</b>	<b>2.247.198.314</b>	

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
VND				
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	174.320.055	117.268.767
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Bán hàng hóa	58.824.344	470.062.500
			<b>233.144.399</b>	<b>587.331.267</b>
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Mua hàng hóa	1.796.544.507	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	2.958.865.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Công ty con đến ngày 30 tháng 4 năm 2021	Mua hàng hóa	-	12.359.694.521
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Mua hàng hóa	-	8.731.482.288
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	157.818.077
			-	<b>21.248.994.886</b>
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Mua hàng hóa	-	9.349.752.856



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dưới 1 năm	14.425.587.200	14.948.888.000
Từ 1 – 5 năm	70.383.600.000	70.383.600.000
Trên 5 năm	<u>7.038.360.000</u>	<u>14.076.720.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>91.847.547.200</u></b>	<b><u>99.409.208.000</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dưới 1 năm	1.014.390.909	979.636.364
Từ 1 – 5 năm	<u>1.824.565.455</u>	<u>1.570.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.838.956.364</u></b>	<b><u>2.549.636.364</u></b>

**28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ông Huỳnh Lê Duy Việt	5.283.260.500	5.283.260.500
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược Vật		
tư Y tế Quảng Ngãi	66.641.390	66.641.390
Đại lý Cao Văn Tươi	33.111.268	33.111.268
Đại lý 126 Phạm Thị Nga	6.584.879	6.584.879
Quầy thuốc 449 Trần Anh Tài	3.106.853	3.106.853
Ngoại tệ		
USD	50.122,76	234
EUR	12.848,36	201,95

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ**

***Đại dịch Covid-19***

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Đỗ Trần Văn Hạnh  
Người lập



Nguyễn Khắc Hạnh  
Kế toán trưởng



Phạm Thị Triệu  
Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 8 năm 2021